

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) **Phòng thi:** B1.303**Môn thi:** Kỹ năng nghe**Ca thi:** 9h00**Ngày thi:** 12/01/2022

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA0082	Trần Thị Mai	01/04/1999			
2	TA0083	Lê Văn Minh	07/03/1999			
3	TA0084	Nguyễn Tuấn Minh	16/08/1999			
4	TA0085	Trần Đức Minh	12/09/1999			
5	TA0086	Nguyễn Mậu Muôn	26/12/1999			
6	TA0087	Mai Thị Trà My	01/01/1999			
7	TA0088	Trần Hoài Nam	15/06/1999			
8	TA0089	Nguyễn Trung Nghĩa	28/03/1999			
9	TA0090	Mai Thị Ngọc	26/12/1999			
10	TA0091	Ngô Thị Ngọc	28/11/1999			
11	TA0092	Nguyễn Bích Ngọc	17/04/1999			
12	TA0093	Nguyễn Thị Bích Ngọc	02/09/1999			
13	TA0094	Phạm Nguyễn Nguyên	24/03/1998			
14	TA0095	Nguyễn Thị Mai Như	09/09/1999			
15	TA0096	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	29/08/2000			
16	TA0097	Nguyễn Thị Thu Oanh	28/12/1999			
17	TA0098	Lê Ngọc Phong	01/07/1999			
18	TA0099	Nguyễn Minh Phước	25/02/1999			
19	TA0100	Nguyễn Minh Phước	03/02/1999			
20	TA0101	Lương Thị Thu Phương	06/07/1999			
21	TA0102	Nguyễn Thị Phương	16/10/1999			
22	TA0103	Đoàn Diễm Quỳnh	08/09/1998			
23	TA0104	Nguyễn Như Quỳnh	06/11/1999			
24	TA0105	Nguyễn Thị Quỳnh	04/02/1999			
25	TA0106	Dương Văn Sinh	27/11/1999			

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
26	TA0107	Nguyễn Thị Sinh	14/07/2000			
27	TA0108	Trần Đức Sơn	26/10/1999			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)